

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 103/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18 – 5 – 2023

V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Hoàng Sơn

Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Cúc – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 164/2023/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 3 năm 2023 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị H, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Số 81/3, đường Phạm Ngũ Lão, khóm 8, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Có mặt.

Bị đơn: Anh T, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Số 81/3, đường Phạm Ngũ Lão, khóm 8, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân: Chị H và anh T chung sống như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau vào ngày 21/8/2015. Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không thể hòa giải hàn gắn được, nguyên nhân là do T độc đoán, gia trưởng, vợ chồng cự cãi, đánh nhau nhiều lần được Công an phường 5, thành phố Cà Mau mời làm việc và T thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn dẫn đến đánh nhau; H và T đã sống ly thân khoảng 09/2022 đến nay, nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, nên H xin được ly hôn với T. Nếu Tòa án không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn thì chị cũng không về chung sống với T.

Về con chung: Có hai người con tên Trần Ngọc Nhã Uyên, sinh ngày 17/6/2016 và Trần Ngọc Ánh Dương, sinh ngày 01/6/2020, hiện hai con đang sống với H. Khi ly hôn, H yêu cầu được nuôi hai con và yêu cầu T cấp dưỡng nuôi con

1.000.000 đồng/đứa/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung: H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đối với anh T, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ và Tòa án đến nhà làm việc với T nhiều lần nhưng không làm việc được, T không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt không có lý do nên vụ án được tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị H có đơn yêu cầu không hòa giải vụ án, nên vụ án không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án mà đưa vụ án ra xét xử là đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo luật định.

[2] Về nội dung tranh chấp được xác định là tranh chấp xin ly hôn. Chị H và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau vào ngày 21/8/2015, nên hôn nhân của H và T được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. H cho rằng vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên xin ly hôn đối với anh T. Tòa án không làm việc được với T vì T thường xuyên vắng nhà và Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho T, nhưng T không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của H. Hội đồng xét xử xét thấy, lời trình bày của H phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, nên lời trình bày của H là có cơ sở. Nhận thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T có nhiều mâu thuẫn, đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng: Có hai người con tên Trần Ngọc Nhã Uyên, sinh ngày 17/6/2016 và Trần Ngọc Ánh Dương, sinh ngày 01/6/2020, hiện hai con đang sống với H. Khi ly hôn, H yêu cầu được nuôi hai người con và yêu cầu T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/đứa/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. T không có ý kiến phản đối yêu cầu của H, nên H yêu cầu là có căn cứ. Do đó, cần giao cháu Trần Ngọc Nhã Uyên và Trần Ngọc Ánh Dương cho chị H trực tiếp nuôi và buộc T cấp dưỡng nuôi con mỗi đứa 1.000.000 đồng/đứa/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị H yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định; T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 92, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Giao cháu tên Trần Ngọc Nhã Uyên, sinh ngày 17/6/2016 và Trần Ngọc Ánh Dương, sinh ngày 01/6/2020 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

- Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh T cấp dưỡng nuôi con Trần Ngọc Nhã Uyên 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi; cấp dưỡng nuôi con Trần Ngọc Ánh Dương 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu T không thanh toán xong khoản tiền nêu trên thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng. Ngày 20 tháng 3 năm 2023, chị H đã dự nộp 300.000 đồng tại lai số 0003059 được giữ y sung quỹ nhà nước.

3. Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Minh Tuấn phải nộp 300.000 đồng (chưa nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOạ PHIÊN TOạ**

- VKSND TP.Cà Mau;
- UBND phường 5, TP.Cà Mau;
- Lưu hồ sơ - án văn.

(Đã ký)

Nguyễn Văn Linh